

Số: 177/2024/QĐST-HNGĐ

C, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1989; Địa chỉ: D, T, B, Quảng Nam.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số E T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (số 05/2014 Quyên số 01/2011 ngày 21/3/2014). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số E T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà Đ chửi bới xúc phạm ông P và gia đình ông P, cả hai không hợp tính cách, tôn giáo, quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông P nhiều lần đánh đập bà Đ. Nay, ông P và bà Đ không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông P và bà Đ được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **P** và bà **Đ** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ** là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Ông **P** và bà **Đ** xác nhận không có

[3] Về tài sản chung: Ông **P** và bà **Đ** xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông **P** và bà **Đ** xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ** thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông **P** và bà **Đ** xác nhận không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông **P** và bà **Đ** xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông **P** và bà **Đ** xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Nguyễn Văn P** và bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001770 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- UBND xã Trà Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. **Nguyễn Thị Lệ Hằng**

THẨM PHÁN